

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 2117/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19 - 11 - 2021

V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Trúc Chi.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Chi.

2. Bà Nguyễn Hương Thủy.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Tuấn Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 379/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4713/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 5166/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Số 200/6 đường Nguyễn Thị Định, Khu phố 3, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, bà T có đơn xin vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Phùng Đức H, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: Số 9/8 Đường 23, Khu phố 4, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, ông H vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Đơn xin ly hôn ngày 08/9/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày:*



Bà T và ông H chung sống với nhau từ năm 1996 và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 64 do Ủy ban nhân dân phường Bình Trung Tây, Quận 2 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/11/1997. Việc chung sống với nhau là hoàn toàn tự nguyện.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng thời gian gần đây phát sinh nhiều mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên cãi nhau do về tiền bạc, nợ nần. Có lần ông H đã đánh vào đầu bà T phải đi nằm viện dẫn đến bây giờ bà T hay bị đau đầu. Do đó, ông bà đã sống ly T và gần đây ông H đã dẫn người phụ nữ khác về sống chung nhà với ông H.

Bà T xác định không còn tình cảm với ông H, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng nên yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà T và ông H có 01 con chung tên Phùng Kim T, sinh ngày 26/9/1998, con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

*Bị đơn ông Phùng Đức H vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có ý kiến trình bày.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:*

Bà Nguyễn Thị T yêu cầu ly hôn với ông Phùng Đức H nên căn cứ quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là “Tranh chấp ly hôn”. Ông H cư trú tại thành phố Thủ Đức nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

[2] *Về thủ tục tố tụng:*

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập bị đơn ông H tham gia phiên tòa vào ngày 05/11/2021 và ngày 19/11/2021 nhưng ông



H vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông H.

Xét đơn xin vắng mặt tại phiên tòa của bà T là tự nguyện, đúng theo quy định của pháp luật nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T.

[3] *Về yêu cầu của đương sự:*

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định bà T và ông H tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 64 do Ủy ban nhân dân phường Bình Trưng Tây, Quận 2 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/11/1997. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông H là hôn nhân hợp pháp.

[3.2] Căn cứ lời trình bày của bà T trong quá trình giải quyết vụ án thì giữa bà và ông H thường xuyên cãi nhau về tiền bạc, nợ nần. Đặc biệt, có lần ông H đã đánh vào đầu bà T phải đi nằm viện dẫn đến di chứng bệnh đau đầu. Do đó, ông bà đã sống ly T và gần đây ông H đã dẫn người phụ nữ khác về sống chung nhà với ông H. Bà T xác định không còn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn với ông H.

[3.3] Trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông H mặc dù đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này cho thấy ông H đã không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa ông và bà T. Do đó, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông H là trầm trọng, tình cảm yêu thương vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, yêu cầu của bà T xin ly hôn với ông H là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3.4] Về con chung: Bà T và ông H có 01 con chung tên Phùng Kim T, sinh ngày 26/9/1998, con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về án phí:* Bà T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ông H không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;



- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Luật Thi hành án dân sự;

**Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Phùng Đức H.

1.2. Về con chung: Bà T và ông H có 01 con chung tên Phùng Kim T, sinh ngày 26/09/1998, con chung đã thành niên nên ở với ai tùy ý.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí:

Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà Nguyễn Thị T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2018/0027981 ngày 06/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2 (nay là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức). Bà T đã nộp đủ án phí. Ông H không phải chịu án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

- Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày, kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- UBND phường Bình Trưng Tây, Tp. Thủ Đức;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Trúc Chi**